

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/DS-PT

Ngày 17 - 4 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Sung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 160/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê ND, sinh năm 1950 (có mặt);

Địa chỉ: Số 13/10, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh T..

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn UQ1, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số 572C, khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh B.

- Bị đơn: 1. Ông Trần BD1, sinh năm 1963;

2. Bà Võ BD2, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số 119/3, ấp T, thị trấn U, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ UQ2, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H1, xã G, huyện G, tỉnh B.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê ND; bị đơn Trần BD1 và bà Võ BD2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2020, bản tự khai ngày 29/01/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê ND là ông Nguyễn UQ1 trình bày:

Ông Lê ND với vợ chồng ông Trần BD1, bà Võ BD2 có quan hệ quen biết. Trong thời gian quen biết, ông Lê ND có đồng ý cho ông Trần BD1, bà Võ BD2 mượn tiền để kinh doanh. Tổng cộng ông Lê ND đã cho ông Trần BD1, bà Võ BD2 mượn 02 lần với số tiền là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng. Cụ thể: Ngày 16/11/2011 mượn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; Ngày 21/11/2011 mượn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng; Biên nhận nợ ngày 16/11/2011 do bà Võ BD2 viết, Biên nhận nợ ngày 21/11/2011 do ông Trần LC2 viết. Các lần mượn nợ có viết biên nhận dưới sự chứng kiến của ông Trương LC1 và ông Trần LC2. Tiền cho mượn không tính lãi, thỏa thuận miệng thời hạn trả là 25 tháng. Ông Nguyễn UQ1 cho biết, tại các biên nhận nợ ngày 16/11/2011 và ngày 21/11/2011 ông Lê ND có tự ghi thêm nội dung thể hiện thời hạn trả và ông Trương LC1, ông Trần LC2 là người làm chứng để đảm bảo cho thời gian ông Lê ND đòi nợ đối với ông Trần BD1, bà Võ BD2. Do ông Trần BD1, bà Võ BD2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng thời gian như thỏa thuận nên ông Lê ND khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần BD1, bà Võ BD2 liên đới trả cho ông Lê ND số tiền là 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với phần phản tố của bị đơn yêu cầu ông Lê ND trả số tiền 2.000.000.000 đồng thì ông Lê ND không đồng ý.

Ông Lê ND thừa nhận biên nhận ngày 14/02/2012 do bà Võ BD2 cung cấp chỉ có một bản chính duy nhất và biên nhận này thể hiện cho bà Võ BD2 biết ông Trần BD1 có đầu tư vào Công ty MV và theo Kết luận giám định số 646/KL-KTHS ngày 03/3/2022 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận “nội dung chữ viết, chữ ký cần giám định được viết, ký khác màu mực, khác loại bút với các chữ viết còn lại trên nội dung tài liệu cần giám định ký hiệu A. Không xác định được chữ viết, chữ ký cần giám định được viết, ký có cùng thời gian so với các chữ viết còn lại trên nội dung tài liệu cần giám định ký hiệu A hay không”, theo kết luận giám định mặc dù không xác định được thời điểm viết thêm nội dung là khi nào nhưng theo ông quy luật tự nhiên thì không thể trong hợp đồng khi viết bút này khi viết bút khác được.

Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 27/4/2022, bản tự khai ngày 29/01/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần BD1, bà Võ BD2 là ông Võ UQ2 trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn là biên nhận ngày 16/11/2011 do bà Võ BD2 viết, biên nhận ngày 21/11/2011 và ngày 14/02/2012 do ông Trần LC2 viết. Đối với biên nhận nợ ngày 16/11/2011 bị đơn đồng ý có mượn ông Lê ND 1.000.000.000 đồng, biên nhận nợ ngày 21/11/2021 bị đơn nhận 1/3 giá trị trong hợp đồng, còn lại thì ông Trương LC1 và ông Trần LC2

nhận nên không đồng ý với yêu cầu của ông Lê NĐ. Nay bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn là 1.334.000.000 (một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu) đồng.

Vào ngày 14/02/2012 ông Lê NĐ và ông Ngô LC3 có mượn bị đơn 2.800.000.000 (hai tỷ tám trăm triệu) đồng (trong đó ông Lê NĐ mượn 2.000.000.000 đồng, ông Ngô LC3 mượn 800.000.000 đồng).

Do trước đây bị đơn có mượn của nguyên đơn 2.000.000.000 đồng bằng số tiền mà bị đơn cho nguyên đơn mượn nên bị đơn không khởi kiện.

Nay bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, không yêu cầu tính lãi. Riêng ông Ngô LC3 nợ 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng thì bị đơn chưa yêu cầu mà sẽ khởi kiện vụ án khác.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, 217, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 118, 119, Điều 463, 466, 469, 470, 688 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê NĐ đối với ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2. Buộc ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 phải liên đới trả cho ông Lê NĐ 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 đối với ông Lê NĐ. Buộc ông Lê NĐ phải thanh toán cho ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Lãi suất, do nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/10/2022, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 14/10/2022, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 1.334.000.000 đồng và đề nghị khấu trừ vào số tiền mà nguyên đơn đã nợ bị đơn là 2.000.000.000 đồng, sau khi khấu trừ buộc nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền còn lại là 666.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không tự

thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng của các bên đương sự, xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự còn trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 1.334.000.000 đồng và đề nghị khấu trừ vào số tiền mà nguyên đơn đã nợ bị đơn là 2.000.000.000 đồng, sau khi khấu trừ buộc nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền còn lại là 666.000.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng đối với biên nhận nợ ngày 16/11/2011 bị đơn đồng ý có mượn ông Lê NĐ 1.000.000.000 đồng, biên nhận nợ ngày 21/11/2011 bị đơn chỉ nhận 1/3 giá trị trong hợp đồng, còn lại thì ông Trương LC1 và ông Trần LC2 nhận nên bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn là 1.334.000.000 (một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu) đồng. Tuy nhiên, bị đơn không có chứng cứ gì để chứng minh. Tại các biên nhận nợ ngày 16/11/2011 và ngày 21/11/2021 cũng chỉ thể hiện ông Trương LC1 và ông Trần LC2 ký tên với tư cách là người làm chứng, không phải là người nhận tiền theo như lời khai của bà Võ BD2 tại bản tự khai ngày 29/01/2021.

Xét thấy, tại bản tự khai ngày 29/01/2021, bị đơn là bà Võ BD2 trình bày “Vì do tôi thấy số tiền của ông Lê NĐ mượn cũng bằng với số tiền của tôi mượn nên trước giờ tôi chưa đi khởi kiện. Tôi xét thấy chứng cứ của bên ông Lê NĐ đưa ra cũng bằng với chứng cứ của tôi nên tôi nghĩ cả hai không có nợ nần gì nhau”. Cũng tại biên bản hòa giải ngày 23/5/2022, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần BD1, bà Võ BD2 trình bày: “ông Trần BD1, bà Võ BD2 giữ nguyên ý kiến tại bản tự khai ngày 29/01/2021 và biên bản hòa giải ngày 29/01/2021. Vợ chồng ông Trần BD1, bà Võ BD2 cho biết ông Lê NĐ đã có mượn tiền của bà vào ngày 14/02/2012 số tiền 2.000.000.000 đồng có hứa sẽ trả lại vào ngày 28/02/2012 (có ông Trương LC1 và ông Trần LC2 làm chứng)

nhưng đến nay không trả. Theo ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 số tiền này hai bên đã nhận với nhau xong nên không ai còn nợ ai nữa, yêu cầu tòa án xem xét”.

Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở khẳng định, ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 có nhận của ông Lê NĐ số tiền 2.000.000.000 đồng tương đương với số tiền ông Lê NĐ khởi kiện là 2.000.000.000 đồng. Do đó, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền 2.000.000.000 đồng theo biên nhận ngày 14/02/2012:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu triệu tập ông Trương LC1 và ông Trần LC2 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét thấy, tại các biên bản lấy lời khai của ông Trương LC1 và ông Trần LC2 trình bày: Toàn bộ nội dung biên nhận nợ ngày 14/02/2012 do ông Trần LC2 là người viết hộ, ông Trương LC1 và ông Trần LC2 là người làm chứng, sự việc đến nay đã hơn 10 năm nên không còn nhớ nên hai ông không đồng ý làm chứng cho hai bên, yêu cầu Tòa án căn cứ vào chứng cứ hai bên giao nộp để giải quyết theo quy định của pháp luật. Hai ông không đồng ý có liên quan đến vụ tranh chấp giữa ông Lê NĐ và ông Trần BĐ1 nên yêu cầu Tòa án không triệu tập tham gia tiếp cận chứng cứ, hòa giải và xét xử tại tòa. Do đó, đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở xem xét.

[3.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng cung cấp cho Tòa án 01 USB kèm theo bản lược ghi do ông Nguyễn UQ1 tự ghi lại có nội dung là cuộc trao đổi qua điện thoại giữa ông Lê NĐ và ông Trần LC2 để chứng minh ông Lê NĐ không có nhận tiền từ ông Trần BĐ1 theo biên nhận nợ ngày 14/02/2012 mà để đối phó với vợ ông Trần BĐ1.

Xét thấy, đoạn ghi âm do phía nguyên đơn cung cấp không xác định ngày tháng năm mà nguyên đơn cho rằng là lời trình bày của ông Trần LC2 mâu thuẫn với lời khai trước đó của ông Trần LC2 và không được phía bị đơn thừa nhận nên không được xem là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về nội dung, ông Lê NĐ cho rằng tại biên nhận ngày 14/02/2012 do ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 cung cấp thì có ghi thêm một số nội dung khác so với biên nhận ông Lê NĐ giữ. Nhưng biên nhận ông Lê NĐ giữ là bản photo, chứng cứ này không có giá trị pháp lý để chứng minh và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông Lê NĐ cũng đã thừa nhận chỉ có duy nhất một bản chính do ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 cung cấp tại tòa.

Tại Kết luận giám định số 646/KL-KTHS ngày 03/3/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an thì nội dung chữ viết, chữ ký cần giám định được viết, ký khác màu mực, khác loại bút với các chữ viết còn lại trên nội dung tài

liệu cần giám định ký hiệu A. Không xác định được chữ viết, chữ ký cần giám định được viết, ký có cùng thời gian so với các chữ viết còn lại trên nội dung tài liệu cần. giám định ký hiệu A hay không và tại biên bản lấy lời khai ông Trương LC1, ông Trần LC2 trình bày biên nhận nợ ngày 14/02/2012 toàn bộ nội dung do ông Trần LC2 viết cùng thời điểm. Hợp đồng vay giữa ông Lê NĐ với ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 là hợp đồng vay có kỳ hạn, không tính lãi suất. Hết thời hạn thanh toán nợ vay, nhưng ông Lê NĐ không trả tiền đã vi phạm nghĩa vụ nên Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và cả của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Ông Lê NĐ phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng và đã nộp xong.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 phải liên đới chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007530 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú. Ông Lê NĐ là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,
Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê NĐ và của bị đơn ông Trần BĐ1 và bà Võ BĐ2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, 217, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 118, 119, Điều 463, 466, 469, 470, 688 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê NĐ đối với ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2. Buộc ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 phải liên đới trả cho ông Lê NĐ 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 đối với ông Lê NĐ. Buộc ông Lê NĐ phải thanh toán cho ông Trần BĐ1, bà Võ BĐ2 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

Lãi suất, do nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê ND phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng và đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê ND1 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Ông Trần BD1 và bà Võ BD2 liên đới nộp: 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu số: 0000784 ngày 28/4/2021. Ông Trần BD1, bà Võ BD2 phải nộp thêm 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần BD1, bà Võ BD2 phải liên đới chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007530 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú. Ông Lê ND là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng